

Bài báo nghiên cứu

QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG TIỂU THUYẾT *CHIM ÉN BAY* CỦA NGUYỄN TRÍ HUÂN¹

Nguyễn Bùi Thiện Nhân

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Bùi Thiện Nhân – Email: thiennhannguyenbui@gmail.com

Ngày nhận bài: 10-6-2022; ngày nhận bài sửa: 14-7-2022; ngày duyệt đăng: 24-7-2022

TÓM TẮT

*Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học thời kì đổi mới (sau năm 1986) đã đóng góp rất lớn vào công cuộc đổi mới đất nước. Trong tiểu thuyết *Chim én bay*, quan niệm nghệ thuật về con người được thể hiện chủ yếu qua hai biểu hiện lớn: (1) con người được nhìn nhận dưới góc độ đời tư, thể sự và bi kịch cá nhân; và (2) con người được khám phá từ cái nhìn nhiều chiều. Biểu hiện thứ nhất được thể hiện qua nỗi đau thể xác, tinh thần và con người đời thường của nhân vật. Biểu hiện thứ hai được khái quát qua sự không thống nhất giữa con người và cộng đồng; và con người bản năng. Từ kết quả nghiên cứu này, bài viết nhận định các tác phẩm viết về con người trong chiến tranh không những khai thác được những đặc điểm bản chất của con người mà còn đưa ra những triết lí nhân sinh.*

Từ khóa: quan niệm nghệ thuật về con người; văn học thời kì đổi mới; Nguyễn Trí Huân; tiểu thuyết *Chim én bay*

1. Đặt vấn đề

M. Gorky từng nhấn mạnh: “Văn học là nhân học”, là khoa học đặc thù về thế giới tâm hồn, tư tưởng con người. Lịch sử văn học, nhìn theo một góc độ nào đó là lịch sử của những quan niệm nghệ thuật khác nhau về con người. Đó chính là hạt nhân của tư duy nghệ thuật, quy định “những nguyên tắc cốt lõi về thế giới và con người”, “là sự miêu tả hữu hạn của thế giới vô hạn”, “là hình thức bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống”, “là hệ quy chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật” (Tran et al., 2007, p.274-275). Có thể nói “con người là điểm xuất phát, đồng thời cũng là đích cuối cùng của mọi sáng tạo. Toàn bộ thế giới nghệ thuật trong văn học bộc lộ quan niệm thẩm mỹ, ở đó con người được khám phá và thể hiện trong tổng hòa các mối quan hệ xã hội, trong nhiều cấp độ, phương diện, tầng bậc” (Nguyen, 2010, p.18). Những biểu hiện của QNNTVCN được phản ánh một cách rõ nét từ khi phân tâm học của Sigmund Freud xuất hiện. Các yếu tố về vô thức, giấc mơ, tâm linh, tính dục (libido)... là những yếu tố được phân tâm học khai thác và phân tích. Nếu soi chiếu từ lí

Cite this article as: Nguyen Bui Thien Nhan (2022). Artistic notions about humans in novel *The Flying Swallow* of Nguyen Tri Huan. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(7), 1102-1111.

thuyết của phân tâm học, QNNTVCN có thể được xem là một hệ quả của trường phái phê bình phân tâm học trong văn học.

QNNTVCN là cách nhìn nhận về con người trong một xã hội/quốc gia/nền văn hóa nào đó. Cho nên những yếu tố về văn hóa, lịch sử, xã hội sẽ chi phối đến cách nhìn nhận con người. Trong văn học cũng vậy, cách nhìn nhận con người trong văn học phương Tây và phương Đông có những sự phân biệt rõ rệt. Nếu như văn học phương Đông thường nhìn nhận con người gắn với những hệ giá trị của tư tưởng phương Đông như Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo... thì văn học phương Tây nhìn nhận con người theo hệ tư tưởng phương Tây với những lí thuyết, trường phái, chủ nghĩa riêng của họ. Chính vì vậy, văn học phương Tây có những điểm tiến bộ, khái quát mà cụ thể là khi nhìn nhận về con người. Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX được xem là giai đoạn văn học chịu ảnh hưởng và tiếp thu những lí thuyết, khuynh hướng sáng tác từ văn học phương Tây một cách rõ nét do những điều kiện về lịch sử, xã hội chi phối. QNNTVCN trong văn học Việt Nam hiện đại vận động theo nhiều giai đoạn và có những đặc trưng riêng của từng giai đoạn. Như vậy, QNNTVCN trong một thời kì/giai đoạn văn học có thể được hiểu là quan niệm của nhà văn trong cách nhìn nhận, xây dựng con người/nhân vật trong tác phẩm của mình trong giai đoạn/thời kì đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học hiện đại Việt Nam

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày những biểu hiện của QNNTVCN trong dòng chảy văn học hiện đại Việt Nam trước khi đi vào những đặc điểm cụ thể của QNNTVCN trong tác phẩm *Chim én bay*. QNNTVCN của tiểu thuyết nói riêng và văn xuôi nói chung có sự thay đổi chủ yếu qua hai giai đoạn: giai đoạn văn học cách mạng 1945-1975 và giai đoạn văn học sau năm 1975, đặc biệt là thời kì văn học đổi mới sau năm 1986.

Giai đoạn văn học 1945-1975 là giai đoạn văn học chủ yếu phục vụ cho mục đích cách mạng của dân tộc cho nên QNNTVCN cũng mang đậm tính cách mạng được thể hiện qua sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn cách mạng. Điều này đồng nghĩa với con người trong tiểu thuyết viết về chiến tranh thời kì này là con người anh hùng lí tưởng, con người mới xã hội chủ nghĩa và con người cá nhân thống nhất với con người cộng đồng. Bom đạn của kẻ thù càng ác liệt thì con người càng trở nên anh dũng, mạnh mẽ hơn. Con người được xây dựng như những tượng đài anh dũng, bất khuất, kiên cường nhằm phân nào cỗ vũ tinh thần chiến đấu của nhân dân ta trong hai cuộc đấu tranh chống xâm lược của dân tộc. Những phẩm chất cách mạng là một đề tài được các nhà văn xây dựng cho nhân vật của mình trong giai đoạn văn học này. Chính vì thế mà những khía cạnh của con người cá nhân trong giai đoạn văn học này phần nào bị hạn chế. Thêm nữa, “con người được nhận thức và đánh giá chủ yếu theo tiêu chí giai cấp” (Nguyễn, 2015, p.44). Do cách nhìn nhận như vậy nên hiện thực, kết cục về con người là cái “có thể biết trước”. Và:

Trong dòng thác các biến cố cách mạng, con đường đổi đời, giác ngộ về ý thức chính trị, ý thức công dân của mọi người dân như Mị và A Phủ (*Vợ chồng A Phủ*); Đường, Miên (*Gặp gỡ*); Chi, Lượng (*Thư nhà*); Út Tịch (*Người mẹ cầm súng*); (...) là cái tất yếu được biết trước, được đoán trước. Nếu diễn đạt theo Bakhtin thì đó là quan niệm con người kiểu sử thi (...), ở đó con người luôn luôn khoác bộ áo xã hội, luôn trùng khít với địa vị xã hội của mình, nó là con người đơn trị, dễ hiểu, đẹp đến mức hoàn hảo, thánh thiện. (Nguyen, 2015, p.45)

Như vậy, con người trong văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 được nhìn nhận và thể hiện là con người cộng đồng, con người được lí tưởng hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa, con người cá nhân được thống nhất với con người cộng đồng và số phận của con người cá nhân có thể được đoán trước theo những lí tưởng xã hội đã được định sẵn. Những biểu hiện vừa nêu là những đặc điểm khái quát về QNNTVCN giai đoạn văn học 1945-1975.

Khi chiến tranh qua đi, nền hòa bình của dân tộc được lập lại. Những điều kiện về chính trị – kinh tế – xã hội của nước ta cũng thay đổi. Do đó QNNTVCN trong văn học giai đoạn này cũng thay đổi, các nhà văn thường tái hiện lại những sự anh dũng, bất khuất, kiên cường của những con người trong chiến tranh như một cái nhìn hoài niệm và mang tính ca ngợi. Tuy nhiên, từ sau năm 1986, đất nước bước vào thời kì đổi mới về mọi mặt, QNNTVCN cũng có những đặc điểm mới và là một bước phát triển trong cách nhìn nhận về con người trong văn học hiện đại Việt Nam. Nhìn chung, QNNTVCN trong thời kì văn học đổi mới được thể hiện rõ nét qua hai đặc điểm sau:

Thứ nhất, con người được nhìn nhận từ nhiều chiều, nhiều phương diện và nhiều “tọa độ”. Con người được nhìn nhận với những khía cạnh hết sức bình thường và những đề tài về góc độ cá nhân, đời tư của con người được các nhà văn đặc biệt quan tâm. Con người ở đây không đơn giản là con người lí tưởng như trong giai đoạn văn học cách mạng, mà đôi khi con người ta không thể dễ dàng nhìn nhận họ là người xấu/tốt, địch/ta một cách rạch ròi.

Thứ hai, con người được nhận thức trên tinh thần nhân bản. Tức là con người được thể hiện với đầy đủ bản chất của một con người đời thường, những cảm xúc buồn, vui, yêu, ghét, sợ hãi... được thể hiện một cách khá rõ nét. Tình yêu đôi lứa, yếu tố tâm linh, vô thức, thậm chí là sự khát khao dục tình cũng được thể hiện đậm nét hơn trong tiểu thuyết thời kì văn học đổi mới, mà cụ thể là những biểu hiện trong tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân.

2.2. Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết *Chim én bay*

Tiểu thuyết *Chim én bay* (Nguyễn Trí Huân) được sáng tác năm 1987 thể hiện sự chiêm nghiệm về chiến tranh và con người trong thời chiến. Đây là tiểu thuyết được viết dưới ngòi bút của một nhà văn trong hàng ngũ quân đội. Những cái nhìn về con người trong chiến tranh hết sức tiến bộ của tác giả được xem như là nét đặc sắc khi khai thác tác phẩm. Chính vì những cái nhìn tiến bộ, cách khắc họa tâm lí nhân vật rõ nét, tác phẩm đã góp phần vào bước phát triển chung của QNNTVCN trong văn học thời kì đổi mới. QNNTVCN trong tiểu thuyết *Chim én bay* được thể hiện chủ yếu qua hai biểu hiện lớn: con người được nhìn nhận dưới góc độ đời tư, thế sự, bi kịch cá nhân; và con người được khám phá từ cái nhìn nhiều chiều.

2.2.1. Con người được nhìn nhận dưới góc độ đời tư, thể sự và bi kịch cá nhân

Từ mở đầu cho đến kết thúc tiểu thuyết *Chim én bay* là câu chuyện của một con người. Chị Quy hồi tưởng quá khứ tàn khốc của chiến tranh đối với cuộc đời chị. Những dòng suy nghĩ day dứt khôn nguôi và ý định “tìm lại nhà những tên ác ôn mình đã giết chết hơn mười năm trước xem vợ con chúng đang sống ra sao” (Nguyen, 1995, p.7) vẫn luôn trong tâm trí chị. Và những trang viết trong tiểu thuyết đã phản ánh tinh tế, chân thật những khía cạnh tâm lí của nhân vật Quy trong mối quan hệ phức tạp xoay quanh hệ thống nhân vật trong tác phẩm. Nhân vật Quy cũng là một dạng nhân vật kiếm tìm – “là kiểu nhân vật tích cực truy tìm những ý nghĩa của bản thể và tồn tại”; “Trong tiểu thuyết, các nhân vật kiếm tìm thường chủ động dẫn dắt tiến trình sự kiện, định hướng mạch tự sự trong quá trình thực hiện khát vọng tìm hiểu, khám phá những uẩn khúc bên trong số phận và hoàn cảnh của bản thân mình.” (Pham, 2018, p.6). Chính những đặc điểm đó mà con người đời tư, thể sự được nhìn nhận dưới những góc độ bi kịch cá nhân đặc biệt – những bi kịch mà chiến tranh đã đem đến cho họ.

Thứ nhất, con người được thể hiện thông qua những nỗi đau về thể xác và tinh thần. Cả cuộc đời chị Quy là những tổn thương về thể xác và tinh thần do chiến tranh gây nên: “Có thể nói không quá rằng chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì cần thiết cho một đời sống bình thường của chị” (Nguyen, 1995, p.26). Ngay từ nhỏ, chị đã phải chứng kiến cái chết của anh Dương, chị Hảo rồi đến cái chết của cha chị. Mỗi cái chết đều mang sức ám ảnh kinh khủng đối với chị. Bàn tay của anh Dương đứt lìa dưới sự hủy hoại của khối bộc phá. Hình ảnh chị Hảo bị xe GMC kéo lê khắp xã đã trở thành nỗi ám ảnh. Hay cái chết của thằng Sang và tên lính Mĩ đã làm cho chị phải nôn thốc nôn mưa. Chiến tranh đã gây nên những nỗi đau thể xác và tinh thần đáng ghê sợ, đã làm cho những đứa trẻ trở thành người lớn quá sớm. Khi còn là cô bé 13, 14 tuổi, Quy bị hai tên dân vệ trong nhà giam xã hãm hiếp, khiến chị mất đi khả năng làm mẹ. Nỗi đau này đeo đuổi Quy dai dẳng: “Càng lớn lên, sự thâm độc của đòn tra tấn đầu tiên đó càng ngấm sâu vào cơ thể chị. Chị thường xuyên đau nhói nhói ở phần bụng dưới. Cho tới năm ngoài hai mươi tuổi, cùng với những tháng ngày lê lết ở các nhà giam, chị hoàn toàn mất hết khả năng làm một người phụ nữ bình thường, cũng như khả năng làm một người mẹ.” (Nguyen, 1995, p.81). Và mãi tận sau này, đó có thể là nguyên nhân khiến chị bị ung thư tử cung. Một nhân vật khác, chị Năm – vợ giám Tuân, cũng mang nỗi đau tinh thần khi bị hắt hủi, bị đối xử phân biệt vì chị là vợ của tên ác ôn. Những quyền bình đẳng như công việc, trợ cấp, quyền được học của các con chị đều không được mọi người xung quanh thừa nhận. Nỗi đau lên đến đỉnh điểm khi chị phải giả điên và uống thuốc chuột tử tự. Đó chính là bi kịch cao nhất về định kiến xã hội đối với những con người phản bội hay có mối quan hệ với những kẻ phản bội khi chiến tranh đi qua. Ám ảnh về những cái chết cũng là một nỗi đau tinh thần hết sức to lớn đối với chị: “Những ngày này, không hiểu sao chị hay nằm nhớ lại những gì đã xảy ra trong cuộc đời mình. Nhưng trở qua trở lại nhiều nhất vẫn là ấn tượng về những cái chết. Những cái chết kẻ thù mang đến cho

gia đình chị và những cái chết chị gieo cấy cho chúng.” (Nguyen, 1995, p.173). Đúng như thế, dù cái chết nào cũng mang đến cho chị những nỗi ám ảnh dai dẳng đến cuối cuộc đời.

Thứ hai, con người được nhìn nhận một cách hết sức đời thường và không còn mang đậm khuynh hướng sử thi. Nếu như ở giai đoạn văn học cách mạng, con người luôn được thể hiện với những hình ảnh hết sức hoàn hảo, lí tưởng thì ở thời kì văn học đổi mới, con người trong chiến tranh không còn những quy phạm chung đó nữa. Chị Quy khi gia nhập đội “Chim Én”, những ngày đầu, chị chưa lập được chiến công mà còn mắc phải sai lầm hết lần này đến lần khác. Đó là những buổi tập bắn súng, chị bắn không trúng mục tiêu đã khiến anh Cường giận dữ và thằng Dũng chê cười. Tiếp đến, đó là lần chị không nỡ ra tay giết chết thằng giám Tuân tại nhà hẻm vì hẻm đang bế đứa con của hẻm trên tay: “Chị gia nhập đội “Chim Én” đã lâu nhưng chưa làm được một công việc gì và điều day dứt, bức thiết nhất của chị đó là diệt thằng giám Tuân, trả thù cho cha, cho anh Dương, chị Hảo và cho chính bản thân mình thì đến bây giờ chị vẫn chưa làm được. Thêm vào đó, chị còn gây ra bao nhiêu điều phiến toái cho anh Cường, cho đội.” (Nguyen, 1995, p.98). Một điều đáng chú ý hơn nữa, mỗi lần diệt những tên ác ôn, chị phải đối mặt với sự sợ hãi, nó đeo đuổi chị mỗi khi bóp cò súng. Sau này, khi giết những tên ác ôn như Hai Dích, giám Tuân, chị phải luôn lấy mối thù của giám Tuân với gia đình chị, với chị để làm động lực giết chết chúng. Người phụ nữ trong chiến tranh hiện lên hết sức mềm yếu và nhỏ bé khác hẳn những người phụ nữ trong giai đoạn văn học cách mạng như chị Út Tịch (*Người mẹ cầm súng*), chị Sứ (*Hòn Đất*)... Chị Út Tịch luôn lập được những chiến công hiển hách và không hề mắc phải sai lầm với câu nói nổi tiếng: “Còn cái lai quần cũng đánh!” (Nguyen, 2018, p.26) đã trở thành điển hình cho hình tượng người phụ nữ trong giai đoạn văn học cách mạng. Còn ở *Chim én bay*, chị Quy phải đối diện với những sai lầm, những nỗi sợ hãi, những cố gắng tưởng chừng như quá sức đối với chị thì mới có thể lập được chiến công. Nếu như cái chết ở giai đoạn văn học cách mạng là cái chết đầy vinh quang, hiên ngang, chết như là một sự cống hiến lớn lao, cao quý cho độc lập dân tộc thì cái chết ở văn học thời kì đổi mới được khắc họa một cách hết sức đau thương và đầy sức ám ảnh. Cái chết của anh Dương, như đã nói, là cái chết đầy ám ảnh đối với chị Quy thông qua sự hồi tưởng được lặp đi lặp lại. Cái chết của những thành viên đội “Chim Én” như Thêm, chú Ba, chú Hai Liêm, chú Sáu, chú Ngãi, Dũng hết sức thảm thương. Thêm chết trong tình trạng trên người không có một mảnh vải che thân, chú Ba chết ở tư thế co rúm lại, Dũng chết khi ngực bị vỡ nát vì pháo của địch... Những cái chết đầy đau thương và đầy ám ảnh đối với nhân vật đã cho thấy sự khốc liệt, tàn nhẫn của chiến tranh và bản lĩnh con người thời chiến thật đáng khâm phục.

Nhìn chung, con người được nhìn nhận dưới góc độ đời tư, thế sự và bi kịch cá nhân là một QNNTVCN tiêu biểu của tiểu thuyết thời kì văn học đổi mới. Với cách nhìn nhận như vậy, tiểu thuyết thời kì văn học đổi mới đã góp phần thể hiện cái nhìn phản tỉnh về bi kịch của chiến tranh đối với con người và thể hiện đúng ý nghĩa của văn học trong sự phản ánh về con người.

2.2.2. Con người được khám phá từ cái nhìn nhiều chiều

Nếu như con người trong giai đoạn văn học cách mạng 1945-1975 được nhìn nhận từ một phương diện khái quát đó là con người cộng đồng thì với cách nhìn nhận này, con người chưa được xem như là một chỉnh thể hoàn chỉnh, toàn diện. Bởi vì bản chất của văn học là hướng đến con người xã hội và con người tự nhiên, văn học cách mạng chủ yếu thể hiện phương diện con người xã hội nên con người chưa là một chỉnh thể vẹn toàn. Thời kì văn học đổi mới, đặc biệt là tiểu thuyết viết về chiến tranh, đã nhìn nhận con người theo đúng bản chất của con người tự nhiên. Đặc điểm của con người tự nhiên hay con người nhân bản trong tiểu thuyết *Chim én bay* được biểu hiện như sau:

Thứ nhất, con người “lệch pha” (Nguyen, 2015), không thống nhất giữa con người với cộng đồng, với cơ chế xã hội. Nhân vật Quy luôn có những suy nghĩ, cách nhìn nhận khác mọi người về những tên ác ôn và gia đình của họ. Khi thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Quy luôn day dứt, trăn trở về nhân tính của con người, cũng chính sự trăn trở này đã khiến cho Quy không nỡ ra tay bóp cò súng để giết chết giám Tuân bởi vì hắn đang bế con trên tay: “Nhưng chị bỗng sững sờ vì trên tay thằng Tuân đang bỗng đưa con trai út của nó. Một thằng bé hết sức kháu khỉnh. Chị lúng túng, ngón tay trở như cứng lại không sao siết được vào vòng cò... Nhưng chị sẽ bị giày vò, sẽ không thể yên ổn khi nghĩ đến thằng bé. Nó không hề có tội, tại sao lại nhằm bắn vào nó?” (Nguyen, 1995, p.68). Lúc giết Hai Đích cũng vậy, chị thấy Hai Đích đang lúi húi trông dứa – một người đàn ông đang làm công việc hết sức bình thường và không gây tổn hại gì đến chị, cớ sao chị phải ra tay? Nhưng sau đó, nghĩ đến giám Tuân, chị mới quyết định giết hắn. Như vậy, có thể thấy, văn học viết về chiến tranh thời kì đổi mới nhìn con người vẫn theo sự phân tuyến “chính - tà”, “tốt - xấu”, có điều nó không đối lập một cách siêu hình. Sự tốt, xấu trong mỗi con người được diễn tả một cách mềm mại và uyển chuyển hơn. Với cách nhìn nhận như thế, chị Quy đã phải trăn trở rất nhiều về vợ con của giám Tuân vào những năm sau khi giám Tuân bị chính tay chị giết. Chị luôn tìm mọi cách để giúp đỡ vợ con giám Tuân. Cho đến cuối đời, những lời trăn trở cuối cùng của chị cũng là phải chăm lo cho đứa trẻ này được học hành đến nơi đến chốn. Không thể phủ nhận đây là một tiểu thuyết chiêm nghiệm về chiến tranh, bởi bên cạnh sự suy tư, trăn trở của Quy là những dòng nhận xét về con người trong chiến tranh của tác giả hết sức sâu sắc và phổ quát: “Đối với con người, không gì gây đổ vỡ khủng khiếp hơn sự phản bội.” (Nguyen, 1995, p.18), “Hình như ở đời, có bao nhiêu nỗi khổ, nỗi bất công thì người phụ nữ phải hứng chịu hết cả.” (Nguyen, 1995, p.92), “Khi một sự việc đã xảy ra, đã kết thúc, con người thường có thói quen nhìn lại để rút ra những điều hay, điều dở. Nhưng riêng đối với cái ngẫu nhiên trong chiến tranh, cái ngẫu nhiên đã trở thành số mệnh thì không một ai có thể hi vọng tìm thấy bài học nào cả.” (Nguyen, 1995, p.144), “Khi người ta buộc phải suy nghĩ day dứt về một cái gì, điều khó khăn nhất là thoát khỏi những suy nghĩ ấy.” (Nguyen, 1995, p.162), “Thật đáng buồn bởi con người, đôi khi chỉ để thỏa mãn những nhu cầu bình

thường cũng trở nên hết sức độc ác.” (Nguyen, 1995, p.162), “Phá vỡ định kiến của một tập thể khó hơn nhiều việc phá vỡ định kiến của một vài người.” (Nguyen, 1995, p.203)...

Thứ hai, con người được nhìn nhận là con người bản năng và được nhận thức trên tinh thần nhân bản. Nếu như văn học cách mạng hạn chế tối đa hoặc thậm chí không đề cập những khía cạnh của con người bản năng thì văn học đổi mới dường như đã nhìn nhận con người trên khía cạnh này một cách rõ ràng hơn. Con người được thể hiện với những cảm xúc chân thực của mình như nỗi sợ hãi và ám ảnh của Quy đã được đề cập ở tiểu mục 2.2.1. Sự khát khao tình yêu của nhân vật Quy cũng được thể hiện khá rõ nét, đó là những lần chị mong muốn được yêu và được làm vợ anh Cường: “Chị nhớ anh, mong anh khắc khoải, không phải với một nỗi lo sợ đơn thuần mà với một cái gì thật da diết, sâu nặng. Chị không thể thiếu được anh. Anh trai chị chết, chị cũng không đau đớn bằng khi thiếu anh.” (Nguyen, 1995, p.196). Có những lúc ở bên cạnh anh, chị chợt nghĩ mai này hết chiến tranh, chị phải xa anh và chị không muốn điều này xảy ra; những lúc bị tra tấn trong nhà lao, lúc bị trói chặt ở xà lim, chị đã hét lên trong cơn hoảng loạn rằng anh Cường là chồng chị. Khía cạnh con người bản năng trong tác phẩm còn được nâng lên ở những khát khao thể xác của nhân vật. Con người tự nhiên có lúc chống lại con người đạo lý, tiếng nói của bản năng có khi mạnh hơn lí trí. Nguyễn Trí Huân đã viết rất chân thực về những nhu cầu tự nhiên này của nhân vật Quy: “Người chị tê dại, cái ước muốn được chia sẻ, được thỏa mãn đột ngột đốt cháy trái tim chị. Chị đứng dậy và anh cũng đứng dậy. Hai thân hình nóng bỏng, cùng bốc lửa như hòa nhập vào nhau làm một. Chị ôm riết lấy anh, cảm thấy đau thắt nơi ngực bởi một sự mát mát.” (Nguyen, 1995, p.126-127), khát khao xác thịt được thể hiện khá rõ nét lúc Quy và Cường đang bị kẹt dưới căn hầm khi bị giặc ném bom: “Suốt đêm chị nằm cạnh anh Cường, người nôn nao bởi một sự gần gũi, va chạm giữa hai cơ thể xa lạ mà quyến rũ. Cảm giác ấy khiến chị sau này cứ phải ngơ ngác mãi. Làm sao một cô gái mới mười lăm tuổi đã có những xúc động, run rẩy khi tiếp xúc với đàn ông như của một người đã đến tuổi trưởng thành?” (Nguyen, 1995, p.149-150). Những khát khao tình yêu còn đi cả vào giấc mơ của nhân vật Quy, đó là những lần chị mộng mị thấy mình ân ái với Dũng: “Hầu hết những đêm thao thức bởi những khát vọng bình thường của người phụ nữ chưa hề được làm vợ, làm mẹ, chị đã sống bằng mộng mị với Dũng... Những đêm như vậy, tinh dậy người chị trở nên phờ phạc. Chị vội vã chạy lao ra ngoài, cố trấn tĩnh cho thật tỉnh táo.” (Nguyen, 1995, p.125).

Thứ ba, con người được nhìn nhận với những khía cạnh của đời sống tâm linh. “Quan niệm về tính phức tạp, bí ẩn của con người đã dẫn dắt văn học đi tìm “những con người khác nhau” bên trong một con người.” (Nguyen, 2015, p.69-70). Chính với cách nhìn nhận này, những khía cạnh về vô thức của con người được các nhà văn khai thác và những yếu tố tâm linh như “linh tính”, “giấc mộng” xuất hiện khá nhiều trong tiểu thuyết thời kì văn học đổi mới. Trong tiểu thuyết *Chim én bay*, những yếu tố tâm linh được thể hiện khá rõ nét. Những linh cảm về cái chết của Dũng được thể hiện trong tiểu thuyết một cách khá rõ ràng, trước hết là câu nói kì lạ của Dũng khi tắm biển: “Nóng quá, phải tắm một cái, kéo chẳng bao giờ

được tắm nữa.” (Nguyen, 1995, p.102). Chính câu nói này mà sau khi Dũng chết làm cho Quy phải suy nghĩ: “Sau này nhớ lại, chị cứ ngạc nhiên mãi. Hình như lúc đó, Dũng đã linh cảm trước một điều gì và việc Dũng đột ngột bỏ xuống tắm giống như một sự từ giã. Đôi khi chị vẫn thầm hỏi rằng, liệu con người có khả năng cảm nhận hết được những gì sắp xảy ra đối với mình hay không?” (Nguyen, 1995, p.102). Hay những đêm chị sống bằng mộng mị với Dũng cũng là những biểu hiện của yếu tố “giấc mộng”. Những giấc mộng kì lạ còn đeo đuổi chị trong lúc chị hôn mê và cả khi đối diện với căn bệnh ung thư quái ác:

Nhiều đêm chị nằm mê thấy mình đã chết. Chị lang thang đi trên những con đường dài hun hút và điều khiến chị sợ hãi là dưới địa ngục, cuộc chiến tranh vẫn chưa chấm dứt. Những thằng ác ôn như thằng giám Tuân, quận phó cảnh sát Thượng... Những con mê sáng khùng khiếp như vậy cứ lặp đi lặp lại, kéo dài đến nỗi chị sợ, không dám ngủ nữa. (Nguyen, 1995, p.211-212)

Trong lí thuyết về vô thức cá nhân, Freud đã lí giải về giấc mơ: “Giấc mơ là trạng thái của người ngủ, được đặc trưng bằng những biểu hiện khi mờ khi tỏ do những hoạt động của những bộ phận riêng biệt chưa bị ức chế của não. Những điều ta thấy trong chiêm bao là dựa vào những ấn tượng mà chúng ta đã có từ trước, giờ được tái hiện ra dưới dạng những mối quan hệ muôn hình, muôn vẻ, đôi khi mang tính chất phi lí, hoang đường” (Ho, 2000, p.29). Theo phân tâm học, một khi giấc mơ xuất hiện chứng tỏ những ấn ức tâm lí đã lên đến đỉnh điểm và “việc lí giải giấc mơ chính là con đường vương giả đưa lối đến hiểu biết những hoạt động vô thức của tinh thần” (Freud, 2010, p.604). Qua đó, có thể thấy nhân vật Quy đã có một sự ấn ức về khát khao tình dục rất mạnh mẽ. Những khát khao tình dục của chị bị dồn nén phần nào là do những dư chấn tâm lí sau lần chị bị hai tên dân vệ hãm hiếp. Sự sợ hãi lúc ấy cùng những khát khao về tình yêu của người phụ nữ đã dần dần tạo thành những ấn ức về khát khao tình dục trong tâm lí của nhân vật Quy. Vì vậy, khi không được giải tỏa những ấn ức này ở hiện thực, giấc mơ như một cách giải phóng xung năng tính dục trong vô thức của nhân vật. Giấc mơ kì lạ về cái chết của Quy còn là những ấn ức về mặc cảm tội lỗi mà chị đã gây ra cho kẻ thù của chị. Có thể thấy rằng dù đứng ở chiến tuyến nào, những mặc cảm về tội lỗi mà những chiến sĩ cách mạng hay kẻ địch phải mang trong tâm trí là rất lớn và nó đeo đuổi họ cho đến cuối cuộc đời.

Theo Nguyễn Thị Bình (2015), con người trong tiểu thuyết thời kì văn học đổi mới còn được nhìn nhận theo “con người duy ý chí, ảo tưởng” và “con người mang thuộc tính nhân loại” (Nguyen, 2015). Ở hai phương diện này, tiểu thuyết *Chim én bay* thể hiện chưa thật rõ ràng và có thể trùng lặp với những quan niệm mà chúng tôi đã phân tích. Nếu xét “con người duy ý chí, ảo tưởng”, ta có thể thấy qua hình ảnh nhân vật Cô Ba với vai trò là chi hội trưởng hội phụ nữ thôn, người phụ nữ này đã thể hiện những quan điểm hết sức cứng nhắc trong cách xử sự với chị Năm – vợ giám Tuân, cho thấy sự duy ý chí của một bộ phận cán bộ trong thời kì này. Còn “con người mang thuộc tính nhân loại”, theo chúng tôi thì khá giống với sự ám ảnh, bi kịch của chiến tranh đối với nhân vật Quy và cái nhìn nhân tính của

chị. Thêm nữa, nhân vật Quy phải trải qua những sự việc, biến cố trong cuộc đời như những quy luật của số mệnh mà chị không thể nào lí giải được.

Nhìn chung, con người được khám phá từ cái nhìn nhiều chiều trong tiểu thuyết *Chim én bay* cũng nhằm mục đích thể hiện cách nhìn nhận thẳng thắn và toàn diện về những khía cạnh của con người về cả con người xã hội và đặc biệt là con người tự nhiên với đúng bản chất của nó. Cách nhìn nhận này đã đóng góp một quan niệm nghệ thuật mới mẻ về con người trong thời kì văn học đổi mới.

3. Kết luận

QNNTVCN của thời kì văn học đổi mới từ năm 1986 đến nay được chủ yếu thể hiện ở hai quan điểm: con người được nhìn nhận dưới góc độ đời tư, thể sự và con người được khám phá từ cái nhìn nhiều chiều. Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân. Một tiểu thuyết có giá trị trong thời kì văn học đổi mới còn phải được đánh giá trong việc đổi mới quan niệm về thể loại tiểu thuyết và đổi mới bút pháp nghệ thuật. Đổi mới QNNTVCN như là một khía cạnh góp phần vào sự đổi mới chung của tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Những quan niệm nghệ thuật mới mẻ về con người trong tiểu thuyết *Chim én bay* góp phần trong việc nhìn nhận một cách đúng đắn về những tác phẩm viết về chiến tranh trong thời kì văn học đổi mới; đồng thời, văn học cần có cái nhìn chiêm nghiệm, suy tưởng sâu sắc khi viết về con người.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Freud, S. (2010). *The Interpretation of Dreams (translated from the German and edited by James Strachey)*. New York: Basic Book.
- Ho, T. H. (2000). *Giao trình Phan tam hoc va van hoc [Textbook of Psychoanalysis and Literature]*. Hue: Hue University of Science Publishing House.
- Le, B. H., Tran, D. S., & Nguyen, K. P. (2007). *Tu dien Thuat ngu van hoc [Dictionary of Literary Terms]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Nguyen, T. (2018). *Ngươi mẹ cam sung [The mother with the gun]*. Hanoi: Kim Dong Publishing House.
- Nguyen, T. B. (2015). *Van xui Viet Nam sau 1975 [Vietnamese prose after 1975]*. Hanoi: University of Education Publishing House.
- Nguyen, T. H. (1995). *Chim én bay [The Flying Swallow]*. Hanoi: People's Army Publishing House.
- Nguyen, T. K. T. (2010). Con người trong tiểu thuyết thời hậu chiến Việt về chiến tranh [Human beings in post-war novels about the war]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, (23), 18-25. DOI: [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.23.998.989\(2010\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.23.998.989(2010))

- Pham, T. T. T. (2018). Nhan vat kiem tim trong tieu thuyet Viet Nam tu 1986 den 2000 [The seeker character in Vietnamese novels from 1986 to 2000]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 15(8), 5-14. DOI: [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.15.8.95.87\(2018\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.15.8.95.87(2018))
- Truong, T. K. A. (2017). Doi net ve doi moi tu duy nghe thuat trong tieu thuyet Viet Nam duong dai [Improvements in the artistic thinking of art in contemporary Vietnamese fiction]. *Dong Nai University Journal of Science*, (7), 94-97.
-

ARTISTIC NOTIONS ABOUT HUMANS IN THE NOVEL *THE FLYING SWALLOW*

BY NGUYEN TRI HUAN

Nguyen Bui Thien Nhan

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Bui Thien Nhan – Email: thiennhannguyenbui@gmail.com

Received: June 10, 2022; Revised: July 14, 2022; Accepted: July 24, 2022

ABSTRACTS

*New conceptions of writers' artistic notions about humans in the literature during the renovation period (after 1986) have significantly contributed to the renewal of the country. The artistic conception of man in the novel *The Flying Swallow* is mainly expressed through two expressions: (1) Humans are seen from his personal life, affairs, and personal tragedy; and (2) Humans are explored from a multi-dimensional perspective. Expression (1) is shown through the character's physical, mental, and human pain. Expression (2) is generalized through the inconsistency between people and the community, and human nature. The article observed that works written about people in war not only exploit the essential characteristics of people but also bring philosophies about people.*

Keywords: artistic notions about humans; literature in the renovation period; Nguyen Tri Huan; *The Flying Swallow*